TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **297a**/2024/QĐST- HNGĐ

Bình Đại, ngày 19 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Anh Lê Văn L,** sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Chị Lê Thị S,** sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1994

2. Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1999

3. Anh Lê Khánh V, sinh năm 2003

Cùng Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

4. Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Lê Thị N, sinh năm 1941

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị N ủy quyền cho chị Lê Thị Kim H tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 15/5/2023.

6. Ông Lê Văn L, sinh năm 1945

Nơi thường trú: Ấp T, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Hiện ở: Ấp A, xã H, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 9 năm

2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn L và chị Lê Thị S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Văn L và chị Lê Thị S thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con chung:* Anh Lê Văn L và chị Lê Thị S có 03 con chung tên:

1. Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 28/5/1994;

2. Lê Hoàng N, sinh ngày 04/02/1999;

3. Lê Khánh V, sinh ngày 23/12/2003.

Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

- *Về tài sản chung:* Các bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

- *Về nợ chung:*

+ **Nợ Ngân Chính sách D:** Số tiền vốn vay 17.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh 203.302 đồng. Anh L và chị S đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ xong vào ngày 21/7/2023.

+ **Nợ chị Lê Thị Kim H:** 01 chỉ vàng 18K và 2.5 chỉ vàng 24K. Các bên thống nhất thỏa thuận phân chia trách nhiệm của mỗi người phải trả cụ thể:

* *Anh L có nghĩa vụ trả:* 0.5 chỉ vàng 18K, 1.25 chỉ vàng 24K. Thực tế, anh L đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho chị H vào ngày 31/7/2027 gồm: 0.5 chỉ vàng 18K nhưng trả bằng giá trị thành tiền là 1.762.000 đồng; 0.25 chỉ vàng 24K nhưng trả bằng giá trị thàng tiền là 1.395.000 đồng và trả 01 chỉ vàng 24K (Vàng hiệu Ngọc Thạch tại xã Thới Lai).

* *Chị S có nghĩa vụ trả:* 0.5 chỉ vàng 18K, 1.25 chỉ vàng 24K nhưng chị H không có yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ chị S có nghĩa vụ trả cho chị trong cùng vụ án ly hôn, nên không xét đến.

+ **Nợ Bà Lê Thị N:** 01 chỉ vàng 24K. Các bên thống nhất thỏa thuận phân chia trách nhiệm của mỗi người phải trả cụ thể:

* *Anh L có nghĩa vụ trả:* 0.5 chỉ vàng 24K. Thực tế, anh L đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho bà N vào ngày 31/7/2027 gồm: 0.5 chỉ vàng 24K (Vàng hiệu Ngọc Thạch tại xã Thới Lai).

* *Chị S có nghĩa vụ trả:* 0.5 chỉ vàng 24K nhưng bà N không có yêu cầu Tòa án giải quyết phần nợ chị S có nghĩa vụ trả cho bà trong cùng vụ án ly hôn, nên không xét đến.

- Về chi phí tố tụng: Với số tiền 11.456.950 đồng (Mười một triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi đồng). Anh L và chị S thỏa thuận mỗi người chịu phân nửa, nên anh L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị S phân nửa với số tiền là 5.728.475 đồng (Năm triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng) vào ngày 30/9/2024 là trả hoàn tất.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Lê Văn L tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002079 ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, anh Lê Văn L được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Lê Thị S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.600.000 đồng (Mười một triệu, sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004925 ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Phú Thuận (Số 29, ngày 27/6/2018);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên